



# ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN DẠY NGHIỆP

GIẢI ĐOẠN 2008-2020

**NEW!**

Trình bày: PGS.TS. Dương Đức Lân



## 2. LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG VN ĐẾN 2020

TT	CHỈ TIÊU	2005	2010	2015	2020
1	Dân số (triệu người)	83.120	88.458	94.000	98.500
2	Dân số trong tuổi lao động	52.700	58.300	60.800	62.700
3	Lực lượng lao động đang làm việc -Tỷ lệ so dân số trong tuổi lao động	44.385 84 %	48.500 83 %	49.500 81 %	50.000 80 %
4	<u>Cơ cấu lao động:</u> -Nông, lâm, ngư nghiệp -Công nghiệp, xây dựng -Dịch vụ	56,8% 17,9% 25,3%	50,2% 22,0% 27,8%	39,0% 27,5% 33,5%	28,8% 32,7% 38,5%
5	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	19%	30-32%	45%	55%

### 3. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN DẠY NGHỀ VN ĐẾN 2020

Chuyển mạnh từ dạy nghề theo năng lực đào tạo sẵn có của cơ sở dạy nghề sang dạy nghề theo yêu cầu của thị trường lao động và nhu cầu đa dạng của xã hội; gắn dạy nghề với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng vùng, từng ngành, từng địa phương và gắn dạy nghề với việc làm của người lao động



### 3. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN DẠY NGHỀ VN ĐẾN 2020

*(tiếp theo)*

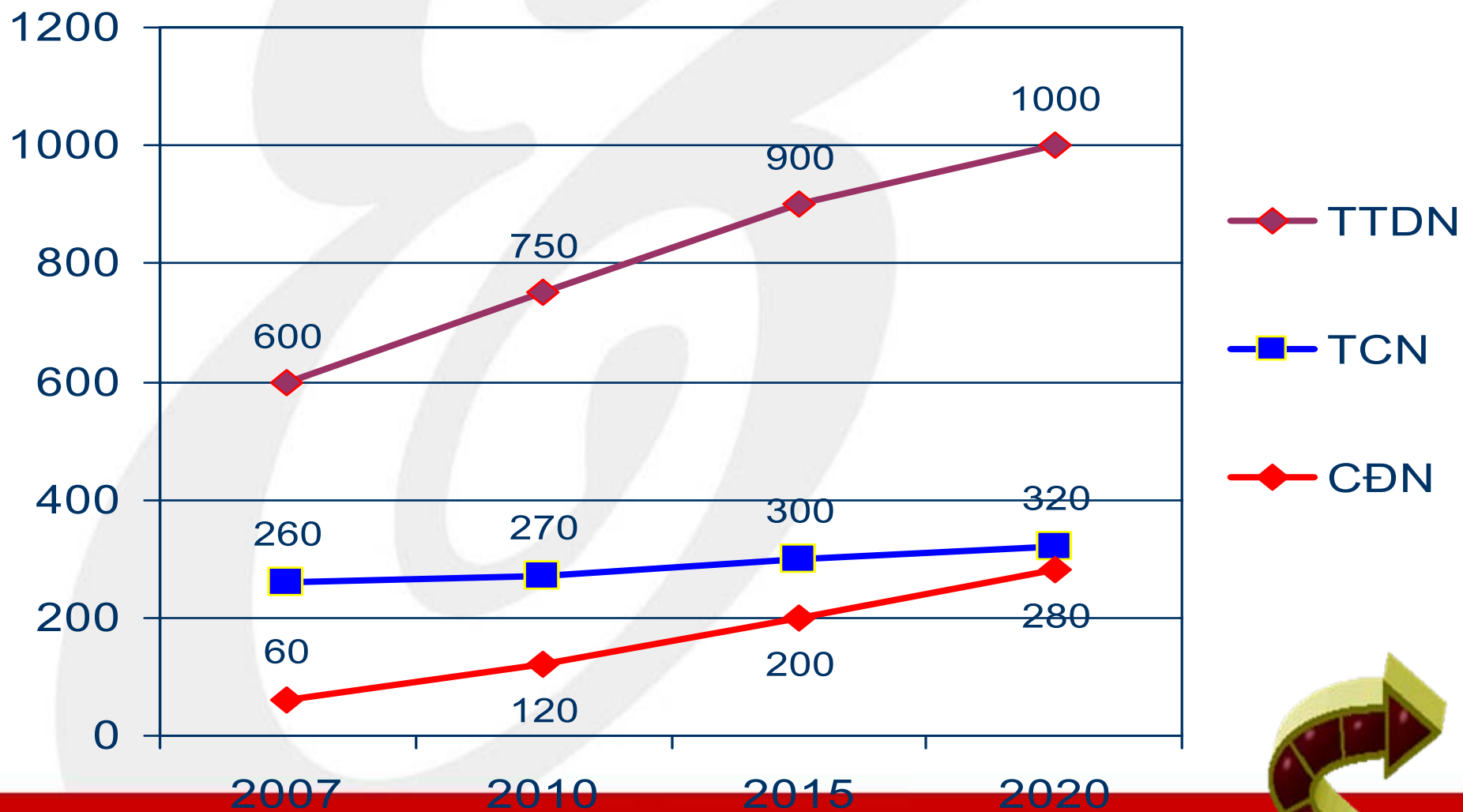
- Đổi mới và phát triển dạy nghề theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá toàn diện, đồng bộ, trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm tiên tiến của các nước phù hợp với thực tiễn Việt Nam, tạo bước đột phá về chất lượng dạy nghề; lựa chọn những nghề mũi nhọn, trọng điểm để ưu tiên đầu tư phát triển. Đa dạng hoá phương thức, hình thức dạy nghề tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động có cơ hội học nghề;
- Đổi mới cơ chế quản lý dạy nghề theo hướng tăng cường phân cấp quản lý cho các cấp, các ngành và nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở dạy nghề;

### 3. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN DẠY NGHỀ VN ĐẾN 2020

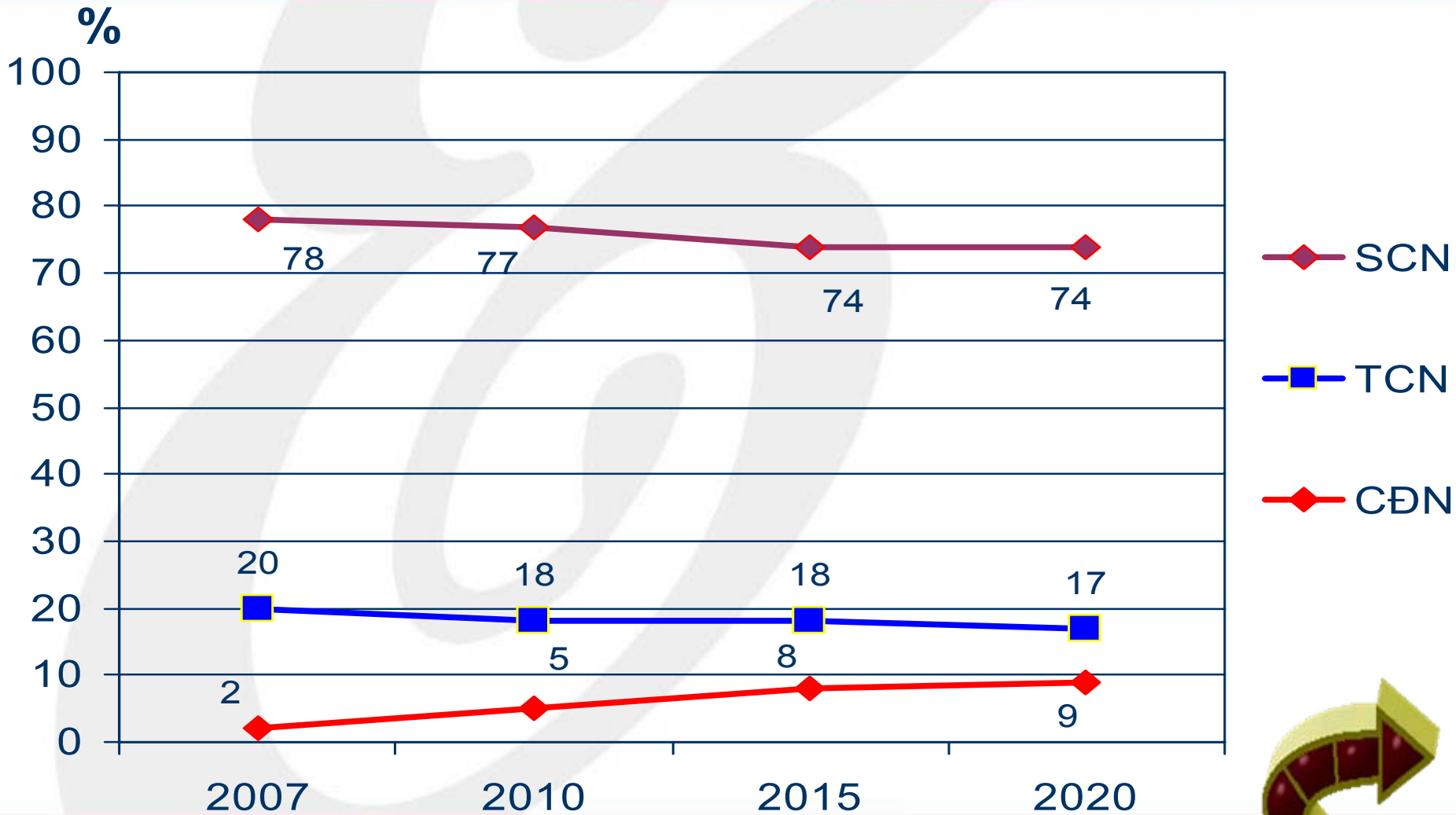
*(tiếp theo)*

Huy động các nguồn lực cho dạy nghề, tuy nhiên nguồn lực tài chính từ NSNN vẫn đóng vai trò chủ đạo. bảo đảm thực hiện công bằng xã hội về cơ hội học nghề cho mọi người, tạo điều kiện phổ cập nghề cho thanh niên và người lao động, đặc biệt chú trọng đào tạo nghề cho nông dân để phát triển nông nghiệp, nông thôn.

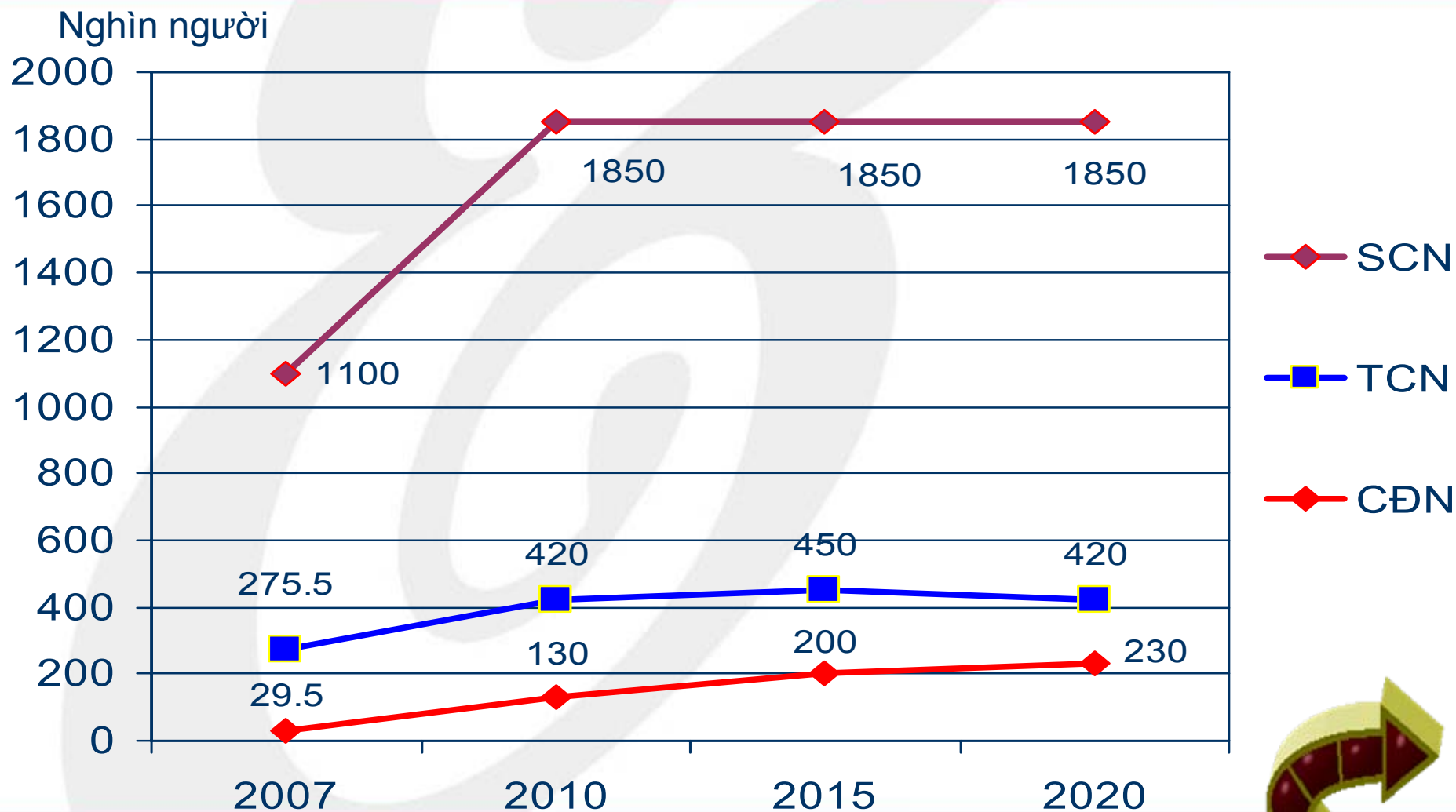
# 4. Cơ sở dạy nghề



# 5. Quy mô tuyển sinh theo cấp trình độ

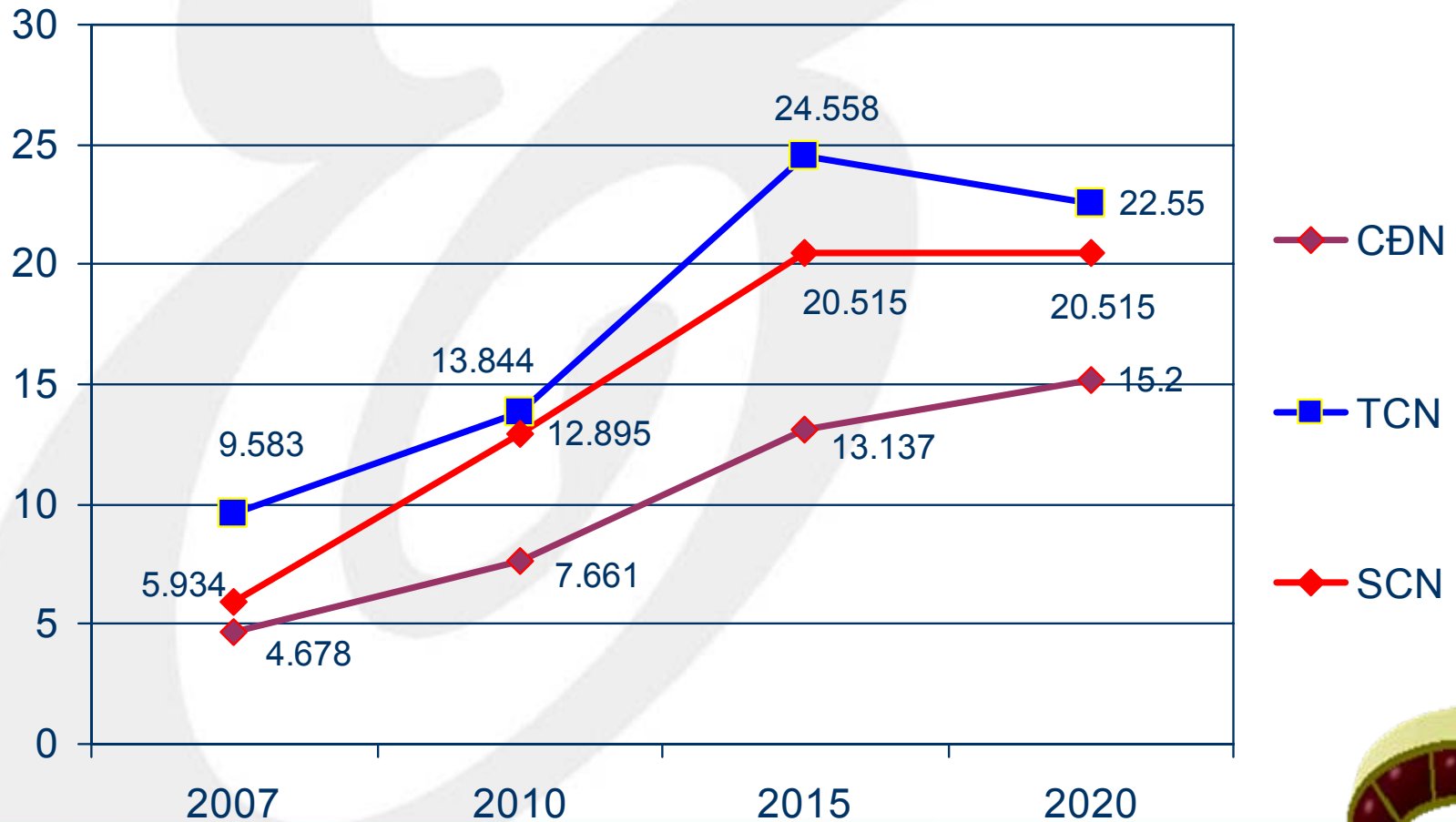


# 6. Số lượng học sinh theo cấp trình độ



# 7. Số lượng giáo viên dạy nghề

Ngìn người



# 8. Chương trình đào tạo

- Xây dựng chương trình khung cho từng nghề, theo từng trình độ, chương trình khung đảm bảo 70% kiến thức, kỹ năng cốt lõi (phần cứng – bắt buộc)
- Dựa trên chương trình khung của từng nghề, các trường xây dựng chương trình đào tạo bằng cách lựa chọn các môn học, modul (30%):

*Chương trình đào tạo = Chương trình khung + 30% phần mềm*

## 8. Chương trình đào tạo *(tiếp theo)*

- Việc xây dựng chương trình khung dựa trên phương pháp phân tích nghề DACUM – do các kỹ sư và công nhân giỏi tại các doanh nghiệp thực hiện
- Số chương trình khung được xây dựng và ban hành:

	<b>2007</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>2012</b>
<b>CTK-CĐN</b>	<b>48</b>	<b>114</b>	<b>184</b>	<b>270</b>	<b>301</b>
<b>CTK-TCN</b>	<b>48</b>	<b>114</b>	<b>184</b>	<b>270</b>	<b>349</b>

# 9. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề và chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

- Dựa trên kết quả phân tích nghề, phân tích công việc xây để dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề
- Dựa trên tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia để soạn ngân hàng đề thi cho các bậc kỹ năng nghề
- Tổ chức thi và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người tốt nghiệp và người lao động

Năm	2007	2010	2015	2020
Xây dựng tiêu chuẩn KNN(bộ)	-	45	100	200
Đánh giá và cấp CCKNN(số nghề)	-	45	100	200

# 10. Kiểm định chất lượng dạy nghề

Kế hoạch kiểm định chất lượng dạy nghề đến năm 2020

<b>Năm</b>	<b>2007</b>	<b>2010</b>	<b>2015</b>	<b>2020</b>
<b>Trung tâm dạy nghề</b>	-	-	<b>50%</b>	<b>200</b>
<b>Trung cấp nghề</b>	-	<b>60 trường</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>
<b>Cao đẳng nghề</b>	-	<b>50 trường</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

@ CÁM ƠN !

Thanks for your attention!

